TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN LONG THÀNH	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI	

Bản án số: **212/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2020
V/v: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Nhân

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 753/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Đình T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M H, sinh năm 1977.

Địa chỉ Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn ông Võ Đình T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị M H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa ông và bà H tH xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau. Do tình cảm không còn nên ông yêu cầu giải quyết ly hôn giữa ông với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Võ Thị Kim Như, sinh ngày 20/11/1996 và Võ Đình Ngọc M, sinh ngày 26/01/2005. Ly hôn con chung Võ Thị Kim Như đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết, ông đồng ý giao cháu Võ Đình Ngọc M cho bà H nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn Bà Nguyễn Thị M H trình bày:

Bà và ông Võ Đình T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa bà và ông T tH xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau. Do tình cảm không còn nên ông T yêu cầu giải quyết ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Võ Thị Kim Như, sinh ngày 20/11/1996 và Võ Đình Ngọc M, sinh ngày 26/01/2005. Ly hôn con chung Võ Thị Kim Như đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Đình Ngọc M, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị M H chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nay ông T có đơn yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H.

Về con chung: Con chung Võ Thị Kim Như đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Võ Đình Ngọc M cho bà H nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Võ Đình T và bị đơn bà Nguyễn Thị M H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị M H trình bày thì ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn. Tại biên bản xác M ngày 16/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Bình An thể hiện: Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị M H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn kết hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H không phải là hôn nhân hợp pháp. Theo ông T cho rằng trong quá trình chung sống giữa ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do tình cảm không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà H cũng thống nhất với trình bày của ông T về mâu thuẫn giữa bà và ông T đồng thời bà xác định tình cảm không còn nên ông T yêu cầu giải quyết ly hôn bà đồng ý.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, căn cứ Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị M H.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Võ Thị Kim Như, sinh ngày 20/11/1996 và Võ Đình Ngọc M, sinh ngày 26/01/2005. Con chung Võ Thị Kim Như đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ông T và bà H thống nhất giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Đình Ngọc M, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Theo nguyên vọng của cháu M cũng muốn được ở với mẹ. Do đó, ghi nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Võ Đình Ngọc M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Võ Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng ông T phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004739 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ông T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị M H.

Về con chung: Giao con chung Võ Đình Ngọc M, sinh ngày 26/01/2005 cho bà Nguyễn Thị M H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Võ Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Ông Võ Đình T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông Võ Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng ông T phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004739 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ông T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị M H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Đức Nhân **Nguyễn Thị Ngọc Đẹp** **Nguyễn Hữu Ngọc**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKS (2)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)

Nguyễn Hữu Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Ba **Lê Thị Ánh Sáng** **Nguyễn Hữu Ngọc**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ngọc

Nơi nhận:
-VKS (2)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)
- UBND